

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 132/2019/TLST/HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019, giữa:

+ *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 13, thôn 3, xã B, huyện T, tỉnh Q.

+ *Bị đơn*: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 88, Khu CC Làng Cá 3B, phòng 506, phường N, quận S, TP Đà Nẵng.

Căn cứ Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03/9/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị S và ông Trần Văn T
(Do công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị S và ông Trần Văn T nên giấy chứng nhận kết hôn số 67, quyển số 01/2009 do UBND xã B, huyện T, tỉnh Q cấp ngày 10/8/2009 không còn giá trị pháp lý).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S và ông Trần Văn T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà S và ông T xác định có 01 con chung tên Trần Nguyễn Trâm A, sinh ngày 06/01/2010. Ly hôn, bà S, ông T thỏa thuận giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà S không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà S và ông T xác định không có.

- Án phí HNGĐ-ST: 150.000 đồng bà S tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 7983 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng. Bà S được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND xã B,
huyện T, tỉnh Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Đông Thanh

